

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/DS-PT

Ngày 24-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hữu Bình.

Ông Lê Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 202/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện hợp pháp của Bà Bùi Thị B: Ông Nguyễn Vĩnh B, sinh năm 1956 theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2019 (có mặt).

Địa chỉ: số 303 đường L, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: 1. Ông Hà Quang T, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ1, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người kháng cáo: Ông Hà Quang T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2019 của nguyên đơn Bà Bùi Thị B và lời khai của Ông Nguyễn Vĩnh B là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay trình bày: Năm 2015 Ông Hà Quang T và Bà Trương Thị Mỹ H có vay tiền của Bà Bùi Thị B 02 lần với tổng số tiền 950.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 24/3/2015 vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 8.000.000 đồng/tháng.

Lần 2: Ngày 07/12/2015 vay số tiền 550.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, không quy định thời gian trả nợ. Sau khi vay tiền, ông T và bà H có trả vốn gốc cho bà B nhiều lần với tổng số tiền 430.000.000 đồng, còn nợ lại 520.000.000 đồng, có trả lãi được 88.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu ông T và bà H liên đới trả cho bà B số tiền vay vốn gốc 520.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo bị đơn Bà Trương Thị Mỹ H, trình bày: Từ năm 2012 bà với ông T có vay tiền của bà B nhiều lần, mỗi lần vay từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, với tổng số tiền là 950.000.000 đồng. Sau khi vay, bà với ông T có trả vốn gốc cho bà B được 450.000.000 đồng, còn nợ lại 500.000.000 đồng. Nay bà đồng ý nhận trách nhiệm trả số nợ 500.000.000 cho bà B.

Theo bị đơn Ông Hà Quang T, trình bày: Ông với bà H có vay tiền của bà B nhiều lần với tổng số tiền 950.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Sau khi vay, ông với bà H có trả vốn cho bà B vốn gốc 450.000.000 đồng, trả lãi 1.164.000.000 đồng, còn nợ lại 500.000.000 đồng vốn gốc. Nay ông không đồng ý liên đới với bà H để trả nợ cho bà B, ông yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà B số tiền vốn gốc 500.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, đã tuyên như sau:

Buộc Ông Hà Quang T và Bà Trương Thị Mỹ H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ vay cho Bà Bùi Thị B số tiền là 500.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Bùi Thị B đối với số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 Ông Hà Quang T kháng cáo, yêu cầu xem xét lại thời hiệu khởi kiện; Không đồng ý liên đới với bà H để trả nợ cho bà B số tiền vốn gốc 500.000.000 đồng; Yêu cầu tính lãi đã đóng 1.164.000.000 đồng và không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

- Bị đơn Ông Hà Quang T rút một phần kháng cáo.

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của

Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Ông Hà Quang T về việc yêu cầu tính lại thời hiệu khởi kiện, yêu cầu tính lãi đã đóng 1.164.000.000 đồng và không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do ông T rút kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Hà Quang T về việc không đồng ý liên đới với bà H để trả cho bà B số tiền vốn gốc 500.000.000 đồng và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn Ông Hà Quang T còn trong hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Ông Hà Quang T kháng cáo, yêu cầu xem xét lại thời hiệu khởi kiện; Không đồng ý liên đới với bà H trả cho Bà Bùi Thị B số tiền vốn gốc 500.000.000 đồng; Yêu cầu tính lãi đã đóng 1.164.000.000 đồng và không đồng ý chịu án phí dân sự có giá ngạch. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn Ông Hà Quang T rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu tính lại thời hiệu khởi kiện, yêu cầu tính lãi đã đóng 1.164.000.000 đồng và không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Xét yêu cầu rút một phần kháng cáo của ông T là có căn cứ nên chấp nhận. Đình chỉ xét xử phúc thẩm, đối với việc ông T yêu cầu tính lại thời hiệu khởi kiện, yêu cầu tính lãi đã đóng 1.164.000.000 đồng và không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[3] Xét kháng cáo của ông T, không đồng ý liên đới với bà H trả cho bà B số tiền vốn gốc 500.000.000 đồng, vì ông T cho rằng bà H sử dụng tiền vay của bà B vào mục đích cá nhân, không sử dụng chung trong gia đình và bà H đã tự nguyện một mình trả nợ cho bà B là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, ông T với bà H vay tiền của bà B là trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại, mặc dù hiện nay ông T với bà H đã ly hôn nhưng số nợ của bà B được xác định là nợ chung của ông T với bà H. Mặc khác, ông T cũng thừa nhận ông với bà H có vay tiền của bà B nhiều lần với tổng số tiền 950.000.000 đồng, sau đó trả vốn gốc 450.000.000 đồng, còn nợ lại 500.000.000 đồng, tiền vay của bà B là để cho người khác vay lại, tiền lợi nhuận của việc cho vay được sử dụng chung trong gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông T cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh số tiền vay của bà B do bà H sử dụng riêng, còn bà B thì không đồng

ý để bà H trả nợ cho bà B nên ông T với H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà B số tiền vốn gốc 500.000.000 đồng.

[4] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; Không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Hà Quang T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 465, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Bà Bùi Thị B.

2. Buộc Ông Hà Quang T và Bà Trương Thị Mỹ H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ vay cho Bà Bùi Thị B số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Bùi Thị B đối với số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

4. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Ông Hà Quang T về việc yêu cầu tính lại thời hiệu khởi kiện, yêu cầu tính lãi đã đóng 1.164.000.000 đồng (*Một tỷ, một trăm sáu mươi bốn triệu đồng*) và không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Bùi Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Bà Bùi Thị B 12.400.000 đồng (*Mười hai triệu, bốn trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001749 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện C. Buộc Ông Hà Quang T với Bà Trương Thị Mỹ H phải chịu 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Ông Hà Quang T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0009986 ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Hoàng Vân